

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2302 /2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-11-2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ái Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm Vân;
2. Bà Nguyễn Thanh Phước.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương, là Thư ký Tòa án nhân dân quận B.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 0652/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019, về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 508/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Đức H

Địa chỉ: 352/9 đường A (Số cũ 970 T), Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Ngọc Tuyền

Địa chỉ: 352/9 đường A (Số cũ 970 T), Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/3/2019, bản tự khai và các và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, nguyên đơn là ông Võ Đức H trình bày:

Năm 2008, ông và bà Nguyễn Ngọc Tuyên tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2008, quyển số 01, ngày 10/4/2008. Sau khi kết hôn ông, bà chung sống tại địa chỉ số 970, đường T (nay là số 352/9 đường A), Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng về sau giữa ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống hôn nhân, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Do giận ông H, bà Tuyên bỏ nhà đi, bà thường về nhà thăm con vào cuối tuần. Ông H đã cố gắng hàn gắn tình cảm giữa ông, bà nhưng không kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Tuyên.

Trong quá trình chung sống, ông và bà Tuyên có một con chung tên Võ Ngọc Bảo N, sinh ngày 09/5/2009. Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Tuyên cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai ông và bà Tuyên không nợ ai.

* *Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyên* đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà Tuyên vắng mặt không lý do, không gửi cho Tòa án tài liệu, chứng cứ hay văn bản trình bày ý kiến nên không ghi nhận được ý kiến của bà Tuyên.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến:*

Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ đúng quy định theo Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí ly hôn: Nguyên đơn phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa ông Võ Đức H và bà Nguyễn Ngọc Tuyên là quan hệ hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều A Bộ luật Tố tụng dân sự,

tại thời điểm thụ lý vụ án, bà Tuyền đang cư trú tại quận B nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyền tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần thứ nhất vào ngày 08/11/2019 và lần thứ hai vào ngày 29/11/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 2A của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyền.

Nguyên đơn ông Võ Đức H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 2A của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 31/2008, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày ngày 10/4/2008 thể hiện hôn nhân giữa ông Võ Đức H và bà Nguyễn Ngọc Tuyền là hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, theo lời khai của ông H, quá trình chung sống giữa ông H và bà Tuyền chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung trong mọi vấn đề của cuộc sống hôn nhân. Đến nay, ông H và bà Tuyền đã không còn sống chung với nhau. Trong suốt quá trình tố tụng, ông H vẫn xác định không còn tình cảm với bà Tuyền.

Xét thấy lời trình bày của ông H về việc bà Tuyền bỏ nhà đi, bà thường về nhà thăm con vào cuối tuần là phù hợp với kết quả xác minh ngày 24/4/2019 của Công an Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: “Đương sự Nguyễn Ngọc Tuyền, sinh năm: 1983 có HKTT tại 970 T, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thực tế ở tại địa chỉ trên nhưng không thường xuyên, hay đi đi về về”. Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử hôm nay đã hơn 07 tháng, bị đơn bà Nguyễn Ngọc Tuyền đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng bà Tuyền vắng mặt không lý do, không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến hay tài liệu chứng cứ nào. Điều này cho thấy bà Tuyền không có thiện chí hàn gắn, hòa giải, xây dựng cuộc sống gia đình. Xét thấy hôn nhân giữa ông H và bà Tuyền đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy ông H có nguyện vọng xin được ly hôn với bà Tuyền là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc nuôi con chung: Căn cứ vào bản tự khai của ông H, bản sao Giấy khai sinh số 58/2009 quyền số 01 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/5/2009 và Công văn trả lời xác minh số 308/UBND ngày 16/8/2019 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì “Theo sổ bộ lưu trữ khai sinh giữa ông Võ Đức H và bà Nguyễn Ngọc Tuyền có 01 đứa con chung tên là Võ Ngọc Bảo N, sinh ngày 09/5/2009” đã có đủ cơ sở xác định giữa ông H và bà Tuyền có một con chung tên là Võ Ngọc Bảo N, sinh ngày 09/5/2009.

Ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà Tuyền cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của ông H là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của trẻ được ghi nhận tại Bản tự khai ngày 14/8/2019, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai ông và bà Tuyền không nợ ai.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng ông Võ Đức H phải đóng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều A, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 2 Điều 227, các Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273, Điều A0 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đức H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Võ Đức H và bà Nguyễn Ngọc Tuyền.

1.2 Về việc nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Ngọc Bảo N, sinh ngày 09/5/2009 cho ông Võ Đức H trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Ngọc Tuyền không cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Ngọc Tuyền được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

1.3 Về tài sản chung: Ông Võ Đức H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai ông và bà Tuyền không nợ ai.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng ông Võ Đức H phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2018/0020691 ngày 09/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Ông H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Ông Võ Đức H, bà Nguyễn Ngọc Tuyền được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND Phường A, quận B;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ái Long